TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT
Ngày 17-01-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên.

Ông Nguyễn Văn Giới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 509/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trường Tiểu học T.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá H, Hiệu trưởng Trường Tiểu học T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2. Ông Dương Văn X, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn T và ông Dương Văn X:* Bà Dương Thị C, sinh năm 1969 theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2017 (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn T và ông Dương Văn X:* Luật sư Nguyễn Tiến L, Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị U, sinh năm 1978 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3. Anh Dương Nguyễn Thanh Q, sinh năm 2000 (vắng mặt).

4. Bà Dương Thị Ái N, sinh năm 1995 (vắng mặt).

5. Ông Dương Vủ N1, sinh năm 1998 (vắng mặt).

6. Bà Dương Thị C, sinh năm 1969 (có mặt).

7. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1957 (vắng mặt).

8. Ông Dương Văn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Dương Văn D:* Bà Dương Thị C, sinh năm 1969 theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018 (có mặt).

9. Ông Dương Văn P, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ngãi Nhất, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10. Bà Dương Thị T2, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

11. Bà Dương Thị Hồng T3, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T2, bà Phạm Thị U, anh Dương Nguyễn Thanh Q, bà Dương Thị Ái N, ông Dương Vủ N1, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3:* Bà Dương Thị C, sinh năm 1969 theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017 (có mặt).

12. Ủy ban nhân dân xã T, có trụ sở tại: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T: Ông Võ Thanh X, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn T và ông Dương Văn X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2017 của nguyên đơn Trường Tiểu học T và các lời khai của ông Nguyễn Bá H là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 là của chính quyền cách mạng, bà Huỳnh Thị L1 là bà nội của ông Dương Văn T và ông Dương Văn X đến cất nhà ở tạm. Sau năm 1975 chính quyền địa phương cất trường học, lúc này bà L1 vẫn ở trên đất. Sau khi bà L1 chết thì con dâu bà L1 là bà Nguyễn Thị N2 tiếp tục ở trên đất, trong quá trình sử dụng đất gia đình bà N2 có cất nhà và trồng một số cây lâu năm. Năm 2012 bà N2 chết thì các con của bà N2 là ông Dương Văn T, ông Dương Văn X tiếp tục ở và cất thêm nhà và trồng cây trên đất của Trường học mặc dù chính quyền địa phương nhiều lần ngăn cản. Trường Tiểu học T có kê khai và sử dụng phần đất diện tích 4.056,6m^2, thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Theo tư liệu đo đạc năm 1983 Trường Tiểu học T kê khai thửa đất số 970, diện tích 1.100m^2, tờ bản đồ số 3; Tư liệu đo đạc năm 1991 kê khai thửa đất số 1498, diện tích 560m^2, tờ bản đồ số 3 và tư liệu đo đạc năm 2005 kê khai thửa đất số 62, diện tích 4.056,6m^2, tờ bản đồ số 27 do Ủy ban nhân dân xã T giao cho Trường Tiểu học T thêm một phần đất. Phần đất này Trường Tiểu học T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường Tiểu học T đồng ý giao cho ông T sử dụng phần đất có căn nhà ông T với diện tích 368.5m^2 chiết từ thửa đất số 62; phần đất nhà mồ của ông Dương Văn C1 và bà Nguyễn Thị N2 có diện tích 176.3m^2 chiết từ thửa đất số 62 và các tài sản có trên 02 phần đất này. Nay ông yêu cầu ông T và ông X trả phần diện tích đất tranh chấp còn lại thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho Trường Tiểu học T.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14 tháng 11 năm 2017 của bị đơn ông Dương Văn T, ông Dương Văn X và các lời khai của bà Dương Thị C là người đại diện hợp pháp cho bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay trình bày: Năm 1958 bà Huỳnh Thị L1 là bà nội của ông Dương Văn T và ông Dương Văn X đã đến ở cất nhà và trồng cây trên phần đất tranh chấp và sử dụng diện tích đất 3.000m^2. Đến khoảng năm 1982, 1983 bà L1 có cho Trường Tiểu học T cất 02 phòng học với tổng diện tích khoảng 367.2m^2. Năm 1983 Nhà nước đo đạc bà L1 kê khai đăng ký sử dụng đất thửa số 971, diện tích 1.440m^2, tờ bản đồ số 3. Năm 1989 bà L1 chết để lại đất cho con ruột là ông Dương Văn C1 và con dâu bà Nguyễn Thị N2 tiếp tục sử dụng. Năm 1991 gia đình bà N2 đến Ủy ban nhân dân xã T để đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết, đến năm 2005 Trường Tiểu học T kê khai toàn bộ diện tích đất của gia đình bà N2 nên phát sinh tranh chấp. Năm 2010 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số: 124/UBND-NC ngày 18/10/2010 giao Ủy ban nhân dân xã T khảo sát đất thực tế và hướng dẫn gia đình bà N2 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.600m^2 nhưng Ủy ban nhân dân xã T và Trường Tiểu học T không thực hiện. Đến năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục ban hành Công văn số: 32/UBND-KTKT ngày 14/3/2011 thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.380m^2 nhưng do không thống

nhất với vị trí đất nên gia đình bà N2, Ủy ban nhân dân xã T và Trường Tiểu học T không thực hiện được nên các bên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005 ông C1 chết, năm 2012 bà N2 chết cả hai đều được chôn cất trên phần đất mà gia đình bà N2 quản lý. Phần đất của gia đình bà N2 quản lý được ông Dương Văn T và ông Dương Văn X tiếp tục sử dụng nên ông T, ông X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Trường Tiểu học T. Đồng thời, yêu cầu Trường Tiểu học T trả diện tích đất 782.8m^2 (Trong đó, diện tích 488m^2 khu đất có nhà vệ sinh của trường học và diện tích 294.8m^2 theo sơ đồ khảo sát là một phần của E), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T do ông Võ Thanh X làm đại diện, trình bày: Trước năm 1975 phần đất tranh chấp là nơi bộ đội đóng quân, sau năm 1975 do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Năm 1991 Ủy ban nhân dân xã T kê khai đăng ký thửa đất số 1497, diện tích 3.290m^2, Trường Tiểu học T kê khai sử dụng thửa đất số 1498, diện tích 560m^2. Đến năm 2005 Ủy ban nhân dân xã T không có nhu cầu sử dụng thửa đất số 1497 nên giao lại cho Trường Tiểu học T kê khai đăng ký, Trường Tiểu học T đã kê khai đăng ký toàn bộ diện tích 4.056,6m^2, thuộc thửa số 62. Việc Ủy ban nhân dân xã T giao đất cho Trường Tiểu học T không có lập văn bản. Đối với hộ bà L1 cất nhà ở tạm trên phần đất tranh chấp từ trước năm 1975, sau năm 1975 Ủy ban nhân dân xã T không có văn bản cho hộ bà L1 sử dụng đất. Trước đây, Ủy ban nhân dân xã T có đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N2 nhưng hộ bà N2 yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng hoặc theo vị trí năm 1983 nên Ủy ban nhân dân xã T không tiến hành các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N2 được. Ủy ban nhân dân xã T không có tranh chấp gì trong vụ án này và thống nhất giao cho Trường Tiểu học T toàn quyền quyết định đối với phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị T4, trình bày: Bà là cháu ruột của bà Huỳnh Thị L1. Trước năm 1975 bà chung sống với bà L1 trên phần đất hiện đang tranh chấp. Sau năm 1975 bà lập gia đình ra ở riêng nên bà không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D, trình bày: Ông là cháu nội của bà Huỳnh Thị L1. Năm 1976 ông chung sống với bà L1 trên phần đất hiện đang tranh chấp và có cùng bà L1 trồng một số cây ăn trái trên đất. Đến năm ông 20 tuổi ông ra ở riêng trên phần đất khác, nên ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T2, bà Phạm Thị U, anh Dương Nguyễn Thanh Q, bà Dương Thị Ái N, ông Dương Văn Vũ N1, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3, bà Dương Thị C tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn, có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trường Tiểu học T.

Buộc ông Dương Văn T, ông Dương Văn X phải trả lại cho Trường Tiểu học T khu đất có nhà vệ sinh của Trường học với diện tích 488m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là B), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 25.9m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 26.1m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 19.2m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 18.3m.

Buộc ông Dương Văn T, ông Dương Văn X phải di dời các tài sản và trả lại cho Trường Tiểu học T phần diện tích 298.4m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát là một phần của ký hiệu E), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có độ dài 10.2m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 7.2m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 36,9m (giáp phần đất giao cho ông T, ông X).

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 34,37m.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Trường Tiểu học T với ông Dương Văn T, ông Dương Văn X, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3 và bà Dương Thị C. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cho ông Dương Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất hiện có 01 căn nhà của ông Dương Văn T và toàn bộ các tài sản trên đất có diện tích 368.5m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là C), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có độ dài 16.8m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 24.8m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 20m.

Giao cho ông Dương Văn T, ông Dương Văn X được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có nền mộ của ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị N2 và các tài sản có trên diện tích 176.3m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là A), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 13.4m.

- Hướng Tây giáp thửa số 59 có độ dài 12.5m.

- Hướng Nam giáp thửa số 71 có độ dài 14m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 15.6m.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Dương Văn T, ông Dương Văn X, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3 và bà

Dương Thị C.

Giao ông Dương Văn X được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có căn nhà của ông X và các tài sản có trên diện tích 300.2m^2, chiết từ thửa số 62 (theo sơ đồ khảo sát là một phần còn lại ký hiệu E), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 17.8m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.9m.

Giao cho ông Dương Văn T, ông Dương Văn X được quyền quản lý sử dụng phần đất và các tài sản có trên diện tích đất 558m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là D), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 26.1m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 13.4m.

- Hướng Nam giáp thửa số 71 có độ dài 15.03m; 12.17m và giáp thửa số 70 có độ dài 13.88m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 27.16m.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ thửa đất tranh chấp)

Ngoài ra, còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 ông Dương Văn T và ông Dương Văn X kháng cáo, yêu cầu Trường Tiểu học T tiếp tục trả cho ông T và ông X diện tích đất 791m^2, thửa số 62, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị đơn, trình bày phần đất tranh chấp gia đình của phía bị đơn đã sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1975 và quá trình sử dụng đến năm 1983 bà Huỳnh Thị L1 có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, có cất nhà và trồng cây lâu năm trên đất nên yêu cầu khởi kiện của Trường Tiểu học T là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn buộc Trường Tiểu học T tiếp tục trả cho ông T và ông X diện tích đất 782.8m^2, thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện của bị đơn kháng cáo thống nhất với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã trình bày nêu trên.

- Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên

đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và ông Dương Văn X còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn T và ông Dương Văn X là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 là nơi cách mạng đóng quân, bà Huỳnh Thị L1 đến cất nhà tạm để ở nhờ trên phần đất này, sau năm 1975 phần đất này Ủy ban nhân dân xã T quản lý và chính quyền địa phương đã cất trường học cho học sinh địa phương học tập. Năm 2005 Ủy ban nhân dân xã T đã giao phần đất này cho Trường Tiểu học T đăng ký kê khai nên năm 2005 Trường Tiểu học T đã đăng ký kê khai diện tích 4.056.6m^2, thửa số 62, tờ bản đồ số 27. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có xác minh một số người làm chứng cao tuổi sinh sống tại địa phương và chính quyền công tác qua các thời kỳ ở địa phương đều xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 là của chính quyền cách mạng quản lý làm chỗ đóng quân cho bộ đội, sau giải phóng Nhà nước chưa có nhu cầu sử dụng nên cho một số hộ dân đến cất nhà ở tạm trong đó có gia đình bà L1, đến khi xây dựng trường học chính quyền địa phương yêu cầu trả lại đất thì các hộ dân này tự nguyện di dời đi nơi khác ở để trả lại đất chỉ riêng có hộ của bà L1 là không chịu trả lại đất và tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp cho đến nay. Theo tư liệu địa chính, thì thửa đất số 62 tư liệu đo đạc năm 1983 Trường Tiểu học T kê khai thửa đất số 970, diện tích 1.100m^2; bà L1 kê khai thửa đất số 971, diện tích 1.440m^2; bà Trần Thị Kiệm kê khai một phần thửa số 964, diện tích 4.450m^2 và bà Trần Thị Biểu kê khai một phần thửa 1013, diện tích 2.540m^2. Theo tư liệu đo đạc năm 1991 Ủy ban nhân dân xã T kê khai thửa số 1497, diện tích 3.290m^2; Trường Tiểu học T kê khai thửa số 1498, diện tích 560m^2 và bà Trần Thị Biểu kê khai một phần thửa số 1499, diện tích 2.060m^2. Theo tư liệu đo đạc năm 2005 Trường Tiểu học T đã đăng ký kê khai diện tích 4.056,6m^2, thửa số 62, tờ bản đồ số 27. Như vậy, qua các thời kỳ kê khai đăng ký bà Biểu và bà Kiệm có kê khai một phần đất thuộc thửa 62 nhưng qua xác minh thì phần đất bà Biểu, bà Kiệm kê khai không thuộc phần đất đang tranh chấp, hiện nay bà Kiệm với bà Biểu đã chết. Tại bản tự khai ngày 03/4/2017 của bà Dương Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện của bị đơn cho rằng, phần sân trường học và xây dựng trường học tổng diện tích 367.2m^2 bà L1 đã cho cất lấn qua nên gia đình không có yêu cầu và khi trường xây dựng khu nhà vệ sinh gia đình ông T, ông X không có ai ngăn cản (bút lục số 101, 102, 103). Mặt khác, theo kết quả

xét xử của cấp sơ thẩm thì Trường Tiểu học T đã giao cho gia đình ông T và ông X quản lý sử dụng diện tích đất 1.403m^2 gần tương đương với diện tích 1.440m^2 mà bà L1 kê khai đăng ký vào năm 1983.

[3] Phần đất khu vệ sinh của trường học diện tích 488m^2 (theo sơ đồ khảo sát là ký hiệu B) và phần đất phía trước sân trường học diện tích 294.8m^2 (theo sơ đồ khảo sát là một phần của ký hiệu E) trước đây là một phần đất trống của sân trường học, từ bên ngoài vào có cổng của trường học và lối đi cho học sinh đi vào trường, năm 2005 phát sinh tranh chấp thì gia đình bà N2, ông T và ông X tự ý trồng cây và làm rào chặn, được chính quyền địa phương ngăn chặn nhưng vẫn trồng cây, mặc dù phần đất này không nằm trong phần đất mà bà L1 kê khai đăng ký năm 1983. Nên cấp sơ thẩm xử buộc ông T và ông X phải di dời tài sản trả đất cho Trường Tiểu học T là có căn cứ.

[4] Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Dương Văn T và ông Dương Văn X trả đất cho Trường Tiểu học T là chưa đảm bảo cho việc thi hành án, mà phải buộc hộ ông T và ông X trả đất cho Trường Tiểu học T, nên sửa phần này của án sơ thẩm.

[5] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Lời bào chữa của vị Luật sư bảo vệ cho bị đơn không có cơ sở, nên không chấp nhận; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và ông Dương Văn X, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Ông Dương Văn T, ông Dương Văn X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T và ông Dương Văn X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 180, Điều 182, Điều 221, Điều 236, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Trường Tiểu học T.

Buộc hộ ông Dương Văn T, gồm ông Dương Văn T, bà Phạm Thị U, ông Dương Vủ N1 và hộ ông Dương Văn X, gồm ông Dương Văn X, bà Nguyễn Thị T1, anh Dương Nguyễn Thanh Q, bà Phạm Thị Ái N phải trả lại cho Trường Tiểu học T khu đất có nhà vệ sinh của trường học với diện tích 488m^2 chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là B), đất tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 25.9m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 26.1m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 19.2m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 18.3m.

Buộc hộ ông Dương Văn T, gồm ông Dương Văn T, bà Phạm Thị U, ông Dương Vủ N1 và hộ ông Dương Văn X, gồm ông Dương Văn X, bà Nguyễn Thị T1, anh Dương Nguyễn Thanh Q, bà Phạm Thị Ái N phải di dời các tài sản và trả lại cho Trường Tiểu học T phần diện tích 294.8m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát là một phần của ký hiệu E), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có độ dài 10.2m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 7.2m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 36,9m (giáp phần đất giao cho ông T, ông X).

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 34,37m.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Trường Tiểu học T với ông Dương Văn T, ông Dương Văn X, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3 và bà Dương Thị C. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cho ông Dương Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất hiện có 01 căn nhà của ông Dương Văn T và toàn bộ các tài sản trên đất có diện tích 368.5m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là C), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có độ dài 16.8m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 24.8m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 20m.

Giao cho ông Dương Văn T, ông Dương Văn X được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có nền mộ của ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị N2 và các tài sản có trên diện tích 176.3m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là A), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 13.4m.

- Hướng Tây giáp thửa số 59 có độ dài 12.5m.

- Hướng Nam giáp thửa số 71 có độ dài 14m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 15.6m.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Dương Văn T, ông Dương Văn X, ông Dương Văn P, bà Dương Thị T2, bà Dương Thị Hồng T3 và bà Dương Thị C.

Giao ông Dương Văn X được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có căn nhà của ông X và các tài sản có trên diện tích 300.2m^2, chiết từ thửa số 62 (theo sơ đồ khảo sát là một phần còn lại của ký hiệu E), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.8m.

- Hướng Nam giáp thửa số 70 có độ dài 17.8m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 16.9m.

Giao cho ông Dương Văn T, ông Dương Văn X được quyền quản lý sử dụng phần đất và các tài sản có trên diện tích đất 558m^2, chiết từ thửa đất số 62 (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu là D), đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 26.1m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 13.4m.

- Hướng Nam giáp thửa số 71 có độ dài 15.03m; 12.17m và giáp thửa số 70 có độ dài 13.88m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa số 62 có độ dài 27.16m.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ thửa đất tranh chấp).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Trường Tiểu học T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.916.900 đồng *(Hai triệu, chín trăm mười sáu ngàn, chín trăm đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai số 0009717 ngày 21 tháng 3 năm 2017 nên Trường Tiểu học T phải nộp tiếp 2.166.900 đồng *(Hai triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, chín trăm đồng)* án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Buộc ông Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.382.400 đồng *(Một triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng *(Sáu trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai số 0010925 ngày 18 tháng 5 năm 2017 và biên lai số 0011091 ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên ông Dương Văn T phải nộp tiếp 782.400 đồng *(Bảy trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm đồng)* án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Văn X.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Dương Văn T và ông Dương Văn X mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016657 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên ông

Dương Văn T và ông Dương Văn X phải nộp tiếp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản tổng cộng là 3.943.000 đồng *(Ba triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng)*. Buộc Trường Tiểu học T nộp 1.971.500 đồng *(Một triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, năm trăm đồng)* tiền chi phí thẩm định và định giá, Trường Tiểu học T đã nộp 3.943.000 đồng *(Ba triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng)*, nên Trường Tiểu học T được nhận lại 1.971.500 đồng *(Một triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, năm trăm đồng)*. Buộc ông Dương Văn T và ông Dương Văn X phải nộp 1.971.500 đồng *(Một triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, năm trăm đồng)* tiền chi phí thẩm định và định giá tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Sau khi ông Dương Văn T và ông Dương Văn X nộp 1.971.500 đồng *(Một triệu, chín trăm bảy mươi mốt ngàn, năm trăm đồng)* thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhận rồi giao lại cho Trường Tiểu học T.

6. Về chi phí thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm: Buộc ông Dương Văn T và ông Dương Văn X phải chịu 1.945.465 đồng *(Một triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng)* chi phí thẩm định tại chỗ, số tiền này ông T và ông X đã nộp xong nên ông T và ông X không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Hoàng Vân